TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2017/HSPT
Ngày: 29-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Kim Đồng**

Các Thẩm phán: Bà **Hoàng Thị Minh Hương**

Ông **Trần Đình Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Quốc Huy**; là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Tân**; Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 86/2017/HSPT ngày 03/8/2017 đối với các bị cáo Man Tịnh T, Võ Xuân Tr do có kháng cáo của các bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

** Bị cáo có kháng cáo.*

1. Họ và tên: **Man Tịnh T** (tên gọi khác B), sinh năm 1993, tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn P, xã H, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Con ông Man Văn B (*chết năm 1998*); Con bà Bùi Thị H, sinh năm 1955; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 29-12-2016 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. **Có mặt.**

2. Họ và tên **Võ Xuân Tr**, sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi ĐKHKTT: Thôn 6, xã E, huyện BĐ, tỉnh Đăk Lăk. Nơi cư trú: 106 PNT, phường A, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Thợ sắt; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Con ông Võ Xuân T, sinh năm 1957; Con bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1954; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 22-3-2016 Công an thành phố Đà Lạt xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "*Đánh bạc*". Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29-12-2016 đến ngày 24-01-2017 được áp dụng biên pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. **Có mặt.**

Các bị cáo khác Dương Văn Th1; Phùng Quang Th; Người bị hại (15 người); người có quyền lợi liên quan (8 người) không kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10-2016 đến cuối tháng 12-2016, bị cáo Tâm, bị cáo Thêm thực hiện hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Lần 1: Rạng sáng một ngày giữa tháng 10-2016 bị cáo T đến công trình xây dựng (*số 33 LTT, phường B,thành phố Đà Lạt*) trộm 01 mô tơ điện, 01 kìm cộng lực (*cắt sắt*), của bị hại anh Bùi Đình Q. Sau đó bị cáo bán mô tơ điện cho anh Võ Đình T là chủ cửa hàng điện cơ AS được 400.000đ, bán cho chị Võ Thị N kìm cắt sắt được 200.000đ, số tiền bị cáo tiêu xài cá nhân.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 mô tơ điện; 01 kìm công lực. Sau đó trưng cầu định giá xác định tổng giá trị mà bị cáo chiếm đoạt là 1.800.000đ, sau đó đã xử lý vật chứng trả cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu bồi thường.

Lần 2: Vào rạng sáng một ngày giữa tháng 10-2016, bị cáo T đến nhà số 56/9 H, phường 6, ĐL trộm 01 bình nước nóng hiệu Ariston, loại 20 lít của bị hại anh Đỗ Đăng L. Sau đó bị cáo bán cho anh Mai T được 150.000đ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ bình nước nóng hiệu Ariston. Sau đó trưng cầu định giá xác định chiếc bình trị giá là 1.200.000đ, đã xử lý vật chứng trả cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu bồi thường.

Lần 03: Rạng sáng một ngày cuối tháng 10-2016, bị cáo T đến công trình xây dựng (*số 34 TNV, phường B, thành phố ĐL*) trộm cắp 01 máy đục bê tông hiệu Bosch màu xanh; 01 máy cắt sắt hiệu Makita màu xanh của bị hại anh Nguyễn Xuân Ph. Sau đó bị cáo bán máy đúc bê tông cho Nguyễn Văn V được 700.000đ, bán máy cắt sắt cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 300.000đ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ máy đục bê tông hiệu Bosch, sau đó trưng cầu định giá xác định trị giá là 600.000đ, sau đó xử lý vật chứng trả lại cho bị hại. Đối với máy cắt sắt cũng được trưng cầu định giá cùng loại, xác định trị giá 1.073.000đ, nhưng bị hại không yêu cầu bồi thường.

Lần 4: Vào rạng sáng một ngày đầu tháng 11-2016, bị cáo Tâm đến công trình xây dựng (*số 66/68 NCT, phường 8, thành phố ĐL*) trộm cắp 01 giỏ đựng đồ nghề gồm: 04 cây búa đá loại 5kg; 04 cái đục bê tông bằng sắt phi 20; 03 kìm điện, 03 tuôc-nơ-vít, loại 3 ke; 01 mỏ lết loại 14in; 02 mỏ lết loại 12in; 03 cờ lê loại 24; 01 kìm cắt ống nhựa; 30 mét dây điện đôi hiệu Cadivi, loại 3.0 của bị hại anh Nguyễn Thanh L. Sau đó bị cáo bán cho một người thu mua phế liệu (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) ở cây xăng HP được 300.000đ.

Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng, căn cứ lời khai bị cáo, lời khai bị hại Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định tổng giá trị mà bị cáo chiếm đoạt là 647.150đ, nay bị hại yêu cầu bồi thường 1.475.000đ.

Lần 5: Rạng sáng một ngày giữa tháng 11-2016, bị cáo T đến công trình xây dựng (*số 26 ĐT, phường 4, thành phố ĐL*) trộm 02 can xăng PU (*mỗi can 5 lít*); 30 tờ giấy nhám nhật; 01 phụt ta lô (*dùng để phun sơn*) của bị hại anh Lê Văn Kh. Sau đó bị cáo bán 02 can xăng và 30 tờ giấy nhám cho tiệm sơn ở đầu đường PĐP, thành phố ĐL (*không xác định được nơi bán*) được 250.000đ, bán phụt ta lô cho bị cáo Võ Xuân Tr được 50.000đ.

Vật chứng thu giữ: 01 phụt ta lô (*dùng để phun sơn*), đối với tài sản khác không thu hồi được. Căn cứ lời khai bị cáo, lời khai bị hại trưng cầu định giá xác định tổng giá trị bị cáo chiếm đoạt là 415.000đ, sau đó trả lại cho bị hại anh Khẩn 01 phụt ta lô, còn lại các tài sản khác, bị hại không yêu cầu bồi thường.

Lần 6: Vào một ngày trong tháng 11-2016, bị cáo Tâm đến công trình (*số 116 (số cũ 26B) HBT, phường 6, thành phố ĐL*) trộm của bị hại anh Trần Ngọc Ph 01 máy hàn màu vàng, viền đỏ, (*không rõ nhãn hiệu*); 01 máy khoan chuyên dụng màu xanh hiệu Bosch; 01 máy đục bê tông màu ngà vàng; 01 máy cắt cầm tay hiệu Matek; 01 máy khoan tường màu đỏ (*không rõ nhãn hiệu*); 150 mét dây điện loại 2.5 hiệu Cadivi; trộm cắp 01 máy hàn điện màu xanh hiệu Riland của bị hại anh Phạm Ngọc H. Bị cáo bán cho bị cáo Võ Xuân Tr máy hàn hiệu Riland, mặc dù biết rõ đây là tài sản trộm cắp mà có nhưng bị cáo Tr vẫn mua với giá 1.000.000đ; đối với 150 mét dây điện bị cáo bán cho một người (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) ở gần cổng chùa LS được 400.000đ, số tài sản còn lại, bị cáo bán cho người thu mua phế liệu dạo (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) được 500.000đ;

Vật chứng thu giữ: 01 máy hàn điện màu xanh hiệu Riland, trưng cầu định giá xác định giá trị là 900.000đ, sau đó trả lại cho bị hại anh H. Đối với các tài sản khác bị cáo trộm của anh Ph không thu hồi được. Căn cứ lời khai bị cáo, lời khai bị hại, Hội đồng định giá tài sản xác định có giá trị là 7.450.630đ nhưng bị hại anh Ph không yêu cầu bồi thường.

Lần 7: Vào rạng sáng ngày 12-11-2016, bị cáo Tâm đến công trình xây dựng (*hẻm 66 NCT, phường 8, thành phố ĐL*) trộm được 01 bếp điện từ, hiệu Kangaroo, màu cam đenl của bị hại anh Nguyễn Văn Ch. Sau đó bị cáo bán cho bị cáo Phùng Quang Th được 300.000đ, lần mua tài sản này, bị cáo Th không biết tài sản trộm cắp.

Vật chứng thu giữ: 01 bếp điện từ hiệu Kangaroo, trưng cầu định giá xác định trị giá là 400.000đ, sau đó trả lại cho bị hại anh Ch.

Lần 8: Vào rạng sáng ngày 10-12-2016, bị cáo T đến công trình xây dựng (*66 NCT, phường 8, thành phố ĐL*) trộm 01 máy cắt sắt màu vàng hiệu HAOMAI của bị hại anh Trần Hữu L, sau đó bị cáo điện thoại cho bị cáo Phùng Quang Th đến chở về phòng trọ của Th (*số 73/1C đường A, phường 4, thành phố ĐL*) cất giấu, trên đường đi bị cáo nói cho bị cáo Th biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nhưng bị cáo Th vẫn cất giấu.

Vật chứng thu giữ: 01 máy cắt sắt màu vàng hiệu HAOMAI, trưng cầu định giá xác định trị giá là 1.000.000đ, sau đó trả lại cho bị hại anh L, nay không yêu cầu bồi thường.

Lần 9: Cũng vào rạng sáng ngày 10-12-2016, sau khi bị cáo T trộm máy cắt sắt màu vàng hiệu HAOMAI đem cất giấu ở phòng trọ của bị cáo Th, bị cáo T tiếp tục đến công trình xây dựng (*04 TKD, phường 8, thành phố ĐL*) trộm 01 máy nén hơi màu xanh, nhãn hiệu 3HP; 01 cuộn dây phun sơn màu vàng của bị hại anh Trần Thế Th, sau đó bị cáo T tiếp tục mang về phòng trọ của bị cáo Th cất giấu, bị cáo Th biết tài sản trộm cắp có được nhưng Th vẫn đồng ý cho cất giấu tại phòng trọ của mình. Đến sáng cùng ngày, bị cáo T gọi cho bị cáo Võ Xuân T đến phòng trọ của Th để bán máy cắt sắt và máy nén hơi, bị cáo T biết tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 1.000.000đ, bị cáo T cho bị cáo Th 150.000đ, số tiền còn lại T tiêu xài hết.

Tang vật thu giữ: 01 máy nén hơi màu xanh, nhãn hiệu 3HP, trưng cầu định giá xác định tổng giá trị là 4.600.000đ, sau đó xử lý vật chứng trả cho bị hại anh Th, bị hại không yêu cầu bồi thường.

Lần 10: Vào đêm ngày 11-12-2016, bị cáo T rủ bị cáo Th1 đến công trình xây dựng (*lô B2, khu B, phường 5, thành phố ĐL*) của bị hại chị Văn Thị Anh Đ để trộm cắp tài sản thì Th1 đồng ý. Sau đó bị cáo Th1 dùng xe máy hiệu Sirius biển số 49P3-3104 chở T đi trộm tài sản. Khi tới nơi, bị cáo Th1 đứng ngoài cảnh giới, còn bị cáo T đi vào cạy bung cửa nhà kho, trộm 01 mô tơ điện màu xám; 02 thùng sơn nước Risen loại 18 lít; 01 thùng sơn hiệu Falko, loại 18 lít; 01 thùng sơn hiệu Alpha, loại 18 lít; 01 thùng đựng 24 cuộn keo dùng để dán trần thạch cao; 01 bao đựng đồ làm ống nước gồm 10 cái co 90, 05 cái lơi 90, 05 cái T90, 10 co 21, 10 cái T21, 15 cái mang sông 21 sau đó mang về nhà bị cáo Thêm cất giấu. Đến sáng ngày 12-12-2016, các bị cáo đem thùng băng keo bán cho chị Lê Thị Tuyết A được 500.000đ, bao đựng đồ làm nước bán chị Th3 (*chủ tiệm TK, số 44 PĐP, phường 1, thành phố ĐL*) được 900.000đ; bị cáo Th1 đưa cho bị cáo T 700.000đ để được chia 01 mô tơ điện cùng 04 thùng sơn, còn tiền bán thùng băng keo, tiền bán bao đồ vật liệu ống nước bị cáo T được hưởng. Sau đó bị cáo Th1 bán mô tơ điện cho anh Đỗ Văn L được 450.000đ.

Tang vật thu giữ: 01 mô tơ điện màu xám (loại 3 ngựa, 1 pha); 02 thùng sơn nước Risen loại 18 lít; 01 thùng sơn hiệu Falko, loại 18 lít; 01 thùng sơn hiệu Alpha, loại 18 lít; 01 thùng cát tông băng keo lưới, bên trong có 24 cuộn dùng để dán trần thạch cao. Trưng cầu định giá xác định trị giá cộng chung tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Đ là 11.815.000đ. Sau đó xử lý vật chứng trả lại số tài sản thu hồi được cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường.

Lần 11: Vào rạng sáng ngày 14-12-2016, bị cáo Tâm đến công trình xây dựng (*số 339/1 TNV, phường 2, thành phố ĐL*) trộm của bị hại anh Đặng Nguyễn Phi H 01 mô tơ điện màu xám, hiệu DCN; 01 thùng sơn chống thấm hiệu Kova (*loại 18 lít*); 01 kìm cộng lực; 01 bịch đựng vật liệu làm ống nước gồm 20 co, loại 21 dẫn nhiệt; 20 gai trong dẫn nhiệt, loại 21; 20 măng sông dẫn nhiệt, loại 21. Bị cáo T bán mô tơ trên cho bị cáo Tr được 400.000đ, khi mua Tr

biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua, thùng sơn bán cho một người đi đường (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) được 400.000đ, bịch vật liệu làm ông nước bán cho Bùi Thị Thu Th3 (*chủ tiệm TK, số 44 PĐP, phường 1, thành phố ĐL*) được 500.000đ, còn kìm cộng lực thì bị mất.

Tang vật thu giữ: 01 mô tơ điện màu xám, hiệu DCN.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định tổng giá trị mà bị cáo Tâm chiếm đoạt của anh H là 3.200.000đ, sau đó xử lý vật chứng trả cho bị hại 01 mô tơ điện màu xám hiệu DCN, đối với tài sản không thu hồi được bị hại anh H không yêu cầu bồi thường.

Lần 12: Vào sáng ngày 17-12-2017, bị cáo T đến công trình (*59 CL, phường 2, thành phố ĐL*), trộm của bị hại anh Đỗ Văn Th4 01 máy cắt bê tông cầm tay, màu xanh, hiệu Bosch; 01 máy cắt sắt màu xám, hiệu Kesten; 01 máy cắt gỗ màu đỏ đen, hiệu Maktec. Sau đó bán máy cắt gỗ và máy cắt sắt cho Nguyễn Văn V được 1.200.000đ, máy cắt bê tông bị cáo làm mất.

Tang vật thu giữ: 01 máy cắt sắt màu xám, hiệu Kesten; 01 máy cắt gỗ màu đỏ đen, hiệu Maktec; Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định tổng giá trị mà bị cáo chiếm đoạt trị giá là 2.189.120đ. Sau đó trả lại cho bị hại, riêng máy cắt bê tông không thu hồi được, bị hại không yêu cầu bồi thường.

Lần 13: Vào rạng sáng ngày 24-12-2016, bị cáo T đến công trình xây dựng (*số 281C PĐP, phường 2, thành phố ĐL*), trộm của bị hại anh Trần Văn H 01 máy đánh bột màu cam đen, hiệu Doong; 01 máy đánh bột màu cam đen, hiệu Suka; sau đó bán cho bị cáo T được 300.000đ, khi mua bị cáo T biết tài sản trộm cắp mà có nhưng vẫn mua.

Tang vật thu giữ: 01 máy đánh bột màu cam đen, hiệu Doong; 01 máy đánh bột màu cam đen, hiệu Suka. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định tổng giá trị mà bị cáo chiếm đoạt là 1.000.000đ. Sau đó trả lại tài sản cho bị hại.

Lần 14: Vào rạng sáng ngày 25-12-2016, bị cáo T đến số nhà 161 CL, phường 2, thành phố ĐL, trộm của bị hại anh Trần Phương T 01 máy mài màu bạc, hiệu Lacela; 01 máy khoan màu xanh hiệu Bosch; 02 cuộn dây loa bọc nhựa, mỗi cuộn 50m; 01 bao nylong đựng bóng đèn lon (*mắt ếch*) gồm 20 bóng; sau đó bị cáo bán dây loa, bóng đèn bán cho một người đi đường (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) được 600.000đ; còn máy mài và máy khoan đem đi cất giấu.

Tang vật thu giữ 01 máy mài màu bạc, hiệu Lacela; 01 máy khoan màu xanh hiệu Bosch. Căn cứ lời khai bị cáo, bị hại, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định tổng giá trị mà bị cáo chiếm đoạt là 2.040.000đ, sau đó trả lại cho bị hại vật chứng thu hồi được, đối với tài sản không thu hồi được anh T không yêu cầu bồi thường.

Lần 15: Vào rạng sáng ngày 26-12-2016, bị cáo T đến công trình xây dựng (*số 11G đường HBT, phường 6, thành phố ĐL*), trộm của bị hại anh Nguyễn Văn L 01 máy đục (*bắn*) bê tông hiệu Heli; 01 máy đục không nhớ hiệu,

màu xanh da trời; 01 máy khoan bê tông hiệu BOSS màu xanh; 01 máy cắt gỗ màu xanh hiệu TPC; 01 máy cắt gạch màu xám đen hiệu Lacer, 01 máy cắt bê tông màu đỏ hiệu Ken; 10 kg dây điện trong đó 02 cuộn loại 1.5ly và 02 cuộn 2.5ly; 02 cuộn 3.5ly. Sau đó bị cáo bán cho một người tên Sỹ ở đường Đồng Tâm (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) 01 máy đục màu xanh da trời, 01 máy khoan hiệu Bosch, 01 máy cắt bê tông màu đỏ được 400.000đ, bán cho chị Nguyễn Thị H 10 kg dây điện các loại được 1.000.000đ. Tài sản còn lại gồm 01 máy cắt gỗ màu xanh, hiệu TPC; 01 máy cắt gạch màu xám đen hiệu Lacer; 01 máy đục (*bắn*) bê tông hiệu Heli, màu đỏ bị cáo Tâm để lại trên xe taxi của anh Nguyễn Đức Ph để đem đi bán nhưng chưa bán được thì bị bắt.

Tang vật thu giữ: 10 kg dây điện trong đó 02 cuộn loại 1,5 và 02 cuộn 2.5ly, 02 cuộn 3.5ly; 01 máy cắt gỗ màu xanh hiệu TPC; 01 máy cắt gạch màu xám đen hiệu Lacer; 01 máy đục (*bắn*) bê tông hiệu Heli, màu đỏ. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định tổng giá trị mà bị cáo chiếm đoạt của chị L là 5.524.000đ, sau đó trả lại cho bị hại số tài sản thu giữ được, đối với tài sản không thu hồi được bị hại anh L không yêu cầu bồi thường,

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Th1 01 hộp điện tử màu đen, hiệu Buffalo; 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Vega; 01 sim điện thoại mạng Vinaphone; 01 laptop màu đen, hiệu HP; 01 laptop màu xám, hiệu Acer; 01 dây sạc laptop màu đen; 01 thẻ điều trị mã số 105; ATM Agribank mang tên Dương Văn Th1; 01 chứng minh nhân dân; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Võ Hoàng L; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Hà Trọng Đ; 01 dây điện màu xám dài 6m; 01 xe máy hiệu Sirius màu trắng, biển số 49P3-3104

- Thu giữ của bị cáo Th1 01 điện thoại di động hiệu Mobista, màu vàng; 01 sim điện thoại mạng Mobiphone.

Tại bản án số 89/2017/HSST ngày 22-6-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tuyên bố các bị cáo Man Tịnh T, bị cáo Dương Văn Th1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản*"; bị cáo Phùng Quang Th phạm tội "*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*"; bị cáo Võ Xuân Tr phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Man Tịnh T 4 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29-12-2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Võ Xuân Tr 9 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2016 đến ngày 24/01/2017.

Ngoài ra, bản án còn áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của bộ Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Dương Văn Th1 9 tháng tù; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phùng Quang Th 30 tháng tù; giải quyết về bồi thường; xử lý vật chứng tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

- Ngày 30-6-2017, bị cáo Võ Xuân Tr kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo, xuất trình biên lai đã đóng tiền xử phạt hành chính ngày 22/3/2016.

- Ngày 04-7-2017 bị cáo Man Tịnh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bị hại. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Trong khoảng thời gian từ tháng 10-2016 đến cuối tháng 12-2016, bị cáo T; bị cáo Th1 thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần (*bị cáo T thực hiện 15 lần; bị cáo Th1 cùng với bị cáo T thực hiện 03 lần*), giá trị tài sản trộm cắp đối với bị cáo T là 45.780.000đ; trong đó có 01 lần bị cáo T cùng bị cáo Th1 trộm cắp có giá trị là 11.815.000đ. Đối với bị cáo Th biết rõ tài sản do bị cáo T phạm tội trộm cắp các lần thứ 7, 8, 9 mà có nhưng vẫn chứa chấp, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Đối với bị cáo Tr không hứa hẹn trước và biết rõ tài sản do bị cáo T phạm tội trộm cắp các lần thứ 6, 9, 13 mà có nhưng vẫn mua tài sản trộm cắp, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Đối chiếu giữa lời khai của các bị cáo, vật chứng thu giữ, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Man Tịnh T, bị cáo Dương Văn Th1 cùng phạm tội *"Trộm cắp tài sản*"; bị cáo Phùng Quang Th phạm tội "*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*"; bị cáo Võ Xuân Tr phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi của bị cáo T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo Tr là nguyên nhân phát sinh tội phạm khác, nên cấp sơ thẩm phân tích đánh giá vai trò, tính chất, mức độ của hành vi để lượng phạt đối với bị cáo T; bị cáo Tr là phù hợp.

2. Xét kháng cáo của bị cáo T đề nghị giảm nhẹ hình phạt, trong khi đó cấp sơ thẩm áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không chấp nhận kháng cáo, cần cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã kết tội bị cáo tình tiết tăng nặng định khung "*có tính chất chuyên nghiệp*" quy định điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự, trong khi đó lại áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội nhiều lần*" quy định điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự là không đúng, nên sửa phần này của bản án sơ thẩm.

- Đối với bị cáo Tr thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (*03 lần*), trong khi đó, cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội nhiều lần*" quy định điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự là thiếu sót, nên cần áp dụng đầy đủ, để sửa phần này của bản án sơ thẩm. Ngoài ra, nhân thân bị cáo bị xử lý hành chính (*tháng 3-2016 bị xử lý hành chính, đến tháng 11-2016 phạm tội*), bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng, nên kháng cáo của bị cáo đề nghị áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự là không đủ điều kiện và thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo NQ 01/2013/NQ-HĐTP. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo, cần cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. *Về án phí phúc thẩm*: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, bị cáo Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử

1. Tuyên bố bị cáo Man Tịnh T phạm tội *"Trộm cắp tài sản*"; bị cáo Võ Xuân Tr phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Man Tịnh T 04 (*bốn*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (*ngày 29-12-2016*).

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p, khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Xuân Tr 9 (*chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2016 đến ngày 24/01/2017.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Man Tịnh T, Võ Xuân Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA (1);
- TA thành phố Đà Lạt (02);
- VKS thành phố Đà Lạt (1);
- Công an thành phố Đà Lạt (1);
- Chi cục THADS Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo (*để thi hành*);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng